

Tính năng dược vật

Tứ khí

- **Âm**: --> chữa dương chứng (chữa nhiệt)
 - **Hàn**: lạnh
 - **Lương**: mát
- **Dương**: --> chữa âm chứng (chữa hàn)
 - **Ôn**: ấm
 - **Nhiệt**: nóng
- Bonus: tính **Bình**: hòa hoãn, không rõ rệt

Bổ - Tả

- **Hư** thì **bổ** (bổ dưỡng) e.g. sâm
- **Thực** thì **tả** (tả trừ tà khí) e.g. gừng

Ngũ vị

- **Tân**: **cay**
 - làm ra mồ hôi, bệnh biểu
 - e.g. *tía tô chữa cảm*
- **Toan**: **chua**
 - ngăn ra mồ hôi, ỉa chảy
- **Khô**: **đắng**
 - chữa nhiệt, thấp
 - e.g. *hoàng liên*
- **Hàm**: **mặn**
 - chữa táo bón (tác dụng làm mềm các chỗ cứng)
 - e.g. *mang tiêu: Na₂SO₄ (nhuận tràng)*
- **Đạm**: **nhạt**
 - lợi niệu
 - e.g. *ý dĩ lợi niệu*
- **Cam**: **ngọt**
 - bổ dưỡng, giảm đau, giải độc
 - e.g. *sâm*

Xu hướng tác dụng: Thăng - Giáng - Phù - Trầm

- **Thăng**: đi lên
- **Giáng**: đi xuống
- **Phù**: ra ngoài
- **Trầm**: vào trong, đi xuống